

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 674/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 10 tháng 6 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ  
lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1640/TTr-SGTVT ngày 05/6/2024,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận (đính kèm phụ lục).

**Điều 2.** Giao Sở Giao thông vận tải căn cứ danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Tổ chức niêm yết công khai thực hiện đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật.

2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phù hợp với nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ theo Phần II Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; **hoàn thành trong thời hạn 10 ngày làm việc** kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành để xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính sau:

1. Bổ sung 02 thủ tục hành chính được phân cấp từ Cục Đường bộ Việt Nam về Sở Giao thông vận tải thực hiện.

2. Sửa đổi các thủ tục hành chính số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 09 tại Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2019.

3. Sửa đổi thủ tục hành chính số 01 - Mục 1 và các thủ tục hành chính số 01, 02, 03, 04 - Mục 2 tại Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 17/4/2020.

4. Sửa đổi 10 TTHC thủ tục hành chính tại Mục 1 và các thủ tục hành chính từ số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 - Mục 2 tại Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 08/5/2022.

5. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 22 - Mục I tại Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Huyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÁI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC  
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH NINH THUẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

- Cơ quan tiếp nhận TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 44 đường 16 tháng 4, phường Tấn Tài, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải Ninh Thuận.
- Căn cứ pháp lý: Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024, Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**I. Danh mục thủ tục hành chính bổ sung.**

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
1	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	Không có	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính.
2	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	Không có	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính.

**II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi.**

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
3	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
4	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.
5	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.
6	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.
7	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Nộp trực tiếp
8	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Nộp trực tiếp
9	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.
10	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.
11	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
12	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>
13	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Nộp trực tiếp
14	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Nộp trực tiếp
15	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Nộp trực tiếp
16	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Không có	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>
17	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Giao thông vận tải thông báo ngừng khai thác tuyến và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác;</li> <li>- Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến sau khi đã niêm yết tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
18	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Không có	<p>Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</p> <p>- Trước khi điều chỉnh tần suất chạy trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bên xe đầu tuyến phía Việt Nam.</p> <p>- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến.</p>	<p>- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.</p>
19	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	Không có	<p>- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn;</p> <p>- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.</p>	<p>- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.</p>
20	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Không có	<p>- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn;</p> <p>- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.</p>	<p>- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lập hồ sơ gửi đến cơ sở đào tạo lái xe. - Cơ sở đào tạo nộp bằng một trong các hình thức: trực tiếp hoặc bưu chính.</p>
21	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bị mất hoặc bị hỏng hoặc có sự thay đổi về nội dung)	Không có	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	<p>- Nộp trực tiếp; - Nộp qua đường bưu chính; - Nộp qua DVC.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
22	Cấp Giấy phép xe tập lái	Không có	01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>
23	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	Không có	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>
24	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Không có	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>
25	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;</li> <li>- Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>
26	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Không có	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>
27	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị;</li> <li>- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện
28	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Không có	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>
29	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	Không có	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>
30	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Không có	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>
31	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe côngten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Không có	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>
32	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Không có	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp;</li> <li>- Nộp qua đường bưu chính;</li> <li>- Nộp qua DVC.</li> </ul>



**III. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp; Xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia) đóng trên địa bàn tỉnh.	Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải.